

MỘT SỐ NỘI DUNG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH PHỤC VỤ

(Phiên họp lần thứ hai Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 ngày 17/5/2025)

I. KẾT QUẢ

Công tác CCHC luôn được tỉnh xác định là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của các cấp, các ngành và được Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh quan tâm, chỉ đạo quyết liệt, sát sao. Tỉnh đã ban hành Kế hoạch CCHC năm 2025 và nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành trên tất cả các lĩnh vực, nhiệm vụ CCHC trên địa bàn tỉnh; đã hoàn thành 13/49 nhiệm vụ Kế hoạch đã đề ra, các nhiệm vụ khác đang được triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả.

Chỉ đạo tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu các ngành, địa phương trong thực hiện nhiệm vụ CCHC; công tác tuyên truyền được đẩy mạnh với hình thức đa dạng, hiệu quả; công tác kiểm tra, giám sát được quan tâm triển khai kịp thời, thường xuyên... và đạt được một số kết quả nổi bật:

1. Về công tác cải cách thể chế

Công tác xây dựng, thẩm định, ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) tiếp tục được nâng cao chất lượng, hiệu quả, 100% dự thảo văn bản QPPL được thẩm định trước khi ban hành¹; các cơ quan, đơn vị soạn thảo đã tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành; toàn tỉnh đã ban hành 54 văn bản QPPL, trong đó cấp tỉnh 35 văn bản, cấp huyện 19 văn bản.

Hội đồng phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật (PBGDPL) tỉnh đã ban hành và tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch hoạt động năm 2025². Trong quý I/2025, đã tuyên truyền, phổ biến các luật, nghị quyết mới được Quốc hội thông qua và triển khai một số nhiệm vụ phổ biến giáo dục pháp luật năm 2025³ cho các ngành thành viên Hội đồng Phối hợp PBGDPL trên địa bàn tỉnh để tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo yêu cầu đề ra...

Đã ban hành Kế hoạch thực hiện công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL năm 2025 tỉnh Điện Biên⁴; đã thực hiện tự kiểm tra đối với 61 văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành...

¹ Sở Tư pháp thẩm định 28 dự thảo văn bản QPPL (01 dự thảo Nghị quyết, 27 dự thảo Quyết định).

² Kế hoạch số 412/KH-HĐPH ngày 05/02/2025.

³ Sở Tư pháp đã biên soạn 15 đề cương giới thiệu Luật mới được Quốc hội khoá XV, thông qua tại kỳ họp thứ 8, gồm: Luật Di sản văn hóa; Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Công đoàn; Luật Công chứng; Luật Phòng không nhân dân; Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Luật Phòng, chống mua bán người; Luật Tư pháp người chưa thành niên; Luật Dữ liệu; Luật Điện lực; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dược; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính.

⁴ Kế hoạch số 5828/KH-UBND ngày 24/12/2024 của UBND tỉnh.

2. Cải cách thủ tục hành chính

Đã ban hành Quyết định số 97/QĐ-UBND ngày 20/01/2025 ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2025 với tổng số 67 TTHC được lựa chọn rà soát thuộc 15 nhóm lĩnh vực.

Ban hành 28 Quyết định công bố danh mục TTHC do các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành (trong đó: chuẩn hóa, ban hành mới 178 TTHC, 133 TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế, 42 TTHC bãi bỏ);

Đã kịp thời cập nhật dữ liệu, sửa đổi và công khai 311 TTHC, không công khai 42 TTHC trên Cơ sở dữ liệu TTHC Quốc gia sau khi có Quyết định công bố danh mục TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh, tạo nhiều đường kết nối với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh, Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các Trang thông tin điện tử của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện.

Hiện nay, tổng số TTHC đang có hiệu lực trên địa bàn tỉnh là 1.794, trong đó: Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh 1.405 thủ tục; Ủy ban nhân dân cấp huyện 339 thủ tục; Ủy ban nhân dân cấp xã 168 thủ tục.

- *Tình hình tổ chức và hoạt động của Bộ phận Một cửa các cấp*: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các cấp trên địa bàn tỉnh được tổ chức và hoạt động thống nhất theo quy định tại Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 16/5/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả trên địa bàn tỉnh Điện Biên. 100% cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã đã thành lập Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, đảm bảo cơ bản đầy đủ trang thiết bị, cơ sở vật chất; bố trí công chức, viên chức có trình độ, năng lực trực tiếp tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả; chủ động đầu tư, nâng cấp, bố trí quầy tiếp nhận giải quyết TTHC ngành dọc tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện, cấp xã.

- *Tình hình thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC*: Tiếp tục triển khai thực hiện việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh⁵. Các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục kết nối, tích hợp với Cổng Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh để đăng tải công khai kết quả giải quyết TTHC và cung cấp các dịch vụ công trực tuyến; đồng thời nâng cao kết nối với Cổng dịch vụ công Quốc gia đáp ứng việc đưa quy trình số hóa gắn với quá trình tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC.

- *Xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử trong giải quyết TTHC*: Đã ban hành 03 Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan chuyên môn, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh (76 quy trình); 08 Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thực hiện thí điểm tiếp nhận, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan chuyên môn, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh (21 quy trình).

⁵ Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ và thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao đơn vị đã triển khai, đôn đốc các cơ quan chuyên môn phối hợp với các địa phương tham mưu 18 Quyết định ban hành Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa đối với TTHC thuộc phạm vi, chức năng quản lý của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh.

- *Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC*: đã tiếp nhận, xử lý và công khai kết quả xử lý 02 PAKN của công dân trên Hệ thống PAKN của Công dịch vụ công quốc gia.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

- *Kết quả rà soát, hoàn thiện các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập tại tỉnh*: Đã kịp thời chỉ đạo thực hiện việc tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Chính phủ về định hướng sắp xếp, tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện. Việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy bên trong của các cơ quan, đơn vị, tổ chức đã được thực hiện nghiêm túc, kịp thời theo đúng chỉ đạo. UBND tỉnh đã ban hành 13 Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 13 cơ quan (trừ Thanh tra tỉnh thực hiện sau khi có chủ trương của Trung ương) theo đúng trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật rút gọn.

- *Kết quả rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập tại tỉnh*.

+ Về sắp xếp cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh:

Đến nay, UBND tỉnh Điện Biên đã trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 224/NQ-HĐND ngày 20/02/2025 thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh. Sau khi sắp xếp, số lượng cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh là 14 cơ quan, giảm 5 cơ quan so với trước khi sắp xếp, đạt tỷ lệ giảm 26,3%⁶.

+ Về sắp xếp, tinh gọn cơ cấu tổ chức bên trong của các Sở, ngành, bao gồm cả các Sở, ngành không thuộc diện hợp nhất sáp nhập; điều chỉnh chức năng nhiệm vụ cho phù hợp với định hướng của Trung ương và tình hình thực tế để khắc phục tình trạng chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo nguyên tắc một việc chỉ giao cho một cơ quan, một cơ quan có thể làm nhiều việc. Hình thành các Sở, ngành, cơ quan đơn vị theo hướng quản lý đa ngành, đa lĩnh vực. Kết quả cụ thể:

+ Trước khi sắp xếp có 117 phòng; 10 chi cục và tương đương; 35 phòng thuộc chi cục; 96 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở.

+ Sau khi sắp xếp còn 83 phòng (giảm 34 phòng, tương đương 29,1%); 07 chi cục và tương đương (giảm 03 chi cục do giảm 04 chi cục và tiếp nhận thêm chi cục Quản lý thị trường từ Bộ Công thương), 31 phòng, tương đương thuộc chi cục (giảm 04 phòng, do: giảm 10 phòng, nhưng phải nhận 01 phòng và 05 đội của chi

⁶ (1) Thành lập Sở Tài chính trên cơ sở hợp nhất Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính; (2) Thành lập Sở Xây dựng trên cơ sở hợp nhất Sở Giao thông vận tải và Sở Xây dựng; (3) Thành lập Sở Khoa học và Công nghệ trên cơ sở hợp nhất Sở Thông tin và Truyền thông và Sở Khoa học và Công nghệ; (4) Thành lập Sở Nông nghiệp và Môi trường trên cơ sở hợp nhất Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Tài nguyên và Môi trường; (5) Thành lập Sở Nội vụ trên cơ sở hợp nhất Sở Lao động – Thương binh và Xã hội và Sở Nội vụ; (6) Thành lập Sở Dân tộc và Tôn giáo trên cơ sở Ban Dân tộc tỉnh.

cục quản lý thị trường); 80 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở (giảm 16 đơn vị sự nghiệp công lập)

+ Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh: hiện có 06 đơn vị sự nghiệp công lập và hiện đang rà soát đề sáp nhập Đài phát thanh – Truyền hình vào Báo Điện Biên Phủ; sắp xếp các trường cao đẳng và trung tâm Ngoại ngữ - Tin học thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo để thành lập trường Cao đẳng Điện Biên. Sau sắp xếp giúp giảm thêm 02 đầu mỗi đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh.

+ Rà soát các tổ chức phối hợp liên ngành có sử dụng biên chế để kết thúc hoạt động, chuyển chức năng nhiệm vụ cho cơ quan có liên quan. Kết quả thực hiện: đã kết thúc hoạt động của Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh (hiện có 05 biên chế công chức), chuyển chức năng, nhiệm vụ, biên chế về Sở Xây dựng.

+ Về sắp xếp cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện:

+ Trước khi sắp xếp: cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện có 128 phòng chuyên môn (các huyện có 13 phòng, ban; thành phố Điện Biên Phủ và thị xã Mường Lay có 12 phòng, ban), đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện có 46;

+ Sau khi sắp xếp cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện có 98 phòng chuyên môn (các huyện có 10 phòng, ban; thành phố Điện Biên Phủ và thị xã Mường Lay có 09 phòng, ban), giảm 30 cơ quan (tương đương 23,4%). Đơn vị sự nghiệp giảm còn 436 đơn vị (giảm 28 đầu mỗi).

- *Tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức:* Tính đến thời điểm báo cáo tổng số biên chế công chức đã thực hiện thuộc các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc tỉnh Điện Biên là 1.975 biên chế (100% các cơ quan, tổ chức hành chính thực hiện đúng biên chế được giao, không có cơ quan nào vượt quá số biên chế được giao năm 2025), so với biên chế giao năm 2025 của tỉnh Điện Biên là 2.067 biên chế.

- *Tình hình quản lý, sử dụng biên chế viên chức:* Tính đến thời điểm báo cáo tỉnh Điện Biên đã thực hiện 19.273 người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên, đảm bảo trong số lượng người làm việc được Bộ Nội vụ thống nhất giao năm 2025 là 19.760(100% các đơn vị sự nghiệp thực hiện đúng số lượng người làm việc được giao, không có đơn vị nào vượt quá số lượng người làm việc được giao năm 2025).

4. Cải cách chế độ công vụ

- *Kết quả xây dựng, ban hành các quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức:* Đã kịp thời chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc và UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh xây dựng Đề án vị trí việc làm gắn với cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định. UBND tỉnh đã hoàn thành phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức; vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của 100% các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh;

- *Kết quả thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức:* Các cơ quan, đơn vị tiếp tục thực hiện quy trình thủ tục tuyển dụng viên theo phân cấp quản lý cán bộ và kế hoạch đã được phê duyệt trong năm 2024. Trong quý I/2025, đã có 75 viên chức các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện gồm: UBND huyện Nậm Pồ (46 người), UBND huyện Mường Chà (29 người). Các đợt tuyển dụng được thực hiện đảm bảo về quy trình, thủ tục, công khai minh bạch, trong chỉ tiêu biên chế được giao, đáp ứng được yêu cầu của vị trí việc làm, chất lượng nguồn nhân lực được tuyển dụng ngày càng được nâng lên.

- *Kết quả thực hiện bổ nhiệm, đề bạt công chức, viên chức:* Căn cứ các quy định của Đảng, Nhà nước và Tỉnh ủy về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ, tỉnh đã thực hiện việc điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ các cấp đảm bảo điều kiện, tiêu chuẩn và đúng quy trình, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của cơ quan có thẩm quyền.

- *Đối với chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý:* Thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 20/02/2025 của BCH Đảng bộ tỉnh về sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tỉnh, sau khi HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 224/NQ-HĐND ngày 20/02/2025 thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành 45 Quyết định điều động, bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo quản lý các cơ quan đơn vị liên quan. Bên cạnh đó tỉnh tiếp tục thực hiện quy trình công tác cán bộ tỉnh quản theo quy định: kiện toàn chức danh Giám đốc Ban QLDA các công trình giao thông tỉnh, bổ nhiệm lại 01 Phó Giám đốc Sở Y tế, 01 Phó Giám đốc Sở Công thương, 01 Phó Giám đốc Ban QLDA các công trình Giao thông tỉnh, điều động và bổ nhiệm 01 Phó Giám đốc Sở Xây dựng.

- *Đối với chức danh trưởng phòng và tương đương cấp tỉnh, cấp huyện:* Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã thực hiện điều động, bổ nhiệm bố trí sắp xếp cán bộ sau sắp xếp kiện toàn tổ chức bộ máy thuộc UBND cấp huyện và bổ nhiệm lại chức vụ cho cho 68 trường hợp.

- *Kết quả thực hiện nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức:* Hội đồng xét nâng ngạch công chức của tỉnh đã thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện, họp xét, thống nhất trình cấp có thẩm quyền quyết định nâng ngạch chuyên viên cao cấp cho 11 cán bộ, công chức được bổ nhiệm giữ chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý; nâng ngạch công chức lên chuyên viên chính cho 02 cán bộ, công chức có thành tích xuất sắc trong hoạt động công vụ.

- *Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức tại tỉnh:* Tiếp tục tập trung lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy, chính quyền các cấp triển khai thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; chú trọng hiệu quả hoạt động công vụ kết hợp với đẩy mạnh kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật trong hoạt động công vụ tại các cơ quan, đơn vị của tỉnh. Chỉ đạo kiểm tra đột xuất tại 4/10 UBND cấp huyện, qua kiểm tra đã kịp thời chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức.

- *Đối với đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã:* Việc quản lý, sử dụng công chức cấp xã dần đi vào nề nếp, hầu hết công chức cấp xã được tuyển dụng, điều

động, luân chuyển đều có trách nhiệm với công việc và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Chế độ tiền lương, đánh giá, khen thưởng, kỷ luật đối với CBCC cấp xã được thực hiện theo đúng quy định, từ đó nêu cao tinh thần trách nhiệm, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ CBCC cấp xã; chế độ chính sách đối với CB, CC, VC điều động, luân chuyển về công tác ở cấp xã được thực hiện đầy đủ, kịp thời theo đúng quy định; đội ngũ công chức cấp xã được bố trí vị trí chức danh phù hợp, từng bước được trẻ hóa, số công chức trẻ tuổi dưới 40 tuổi chiếm tỷ lệ cao khoảng hơn 60%. Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã được nâng số cán bộ cấp xã có trình độ giáo dục phổ thông chiếm 97,76%, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ từ Trung cấp trở lên chiếm 99,4%, cán bộ có trình độ LLCT từ Trung cấp trở lên chiếm 98,36%.

5. Cải cách tài chính công

5.1. Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách tại tỉnh

- Tiếp tục triển khai thực hiện Luật ngân sách Nhà nước; Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 7/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005.

- Đối với nội dung quản lý ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, tỉnh phân cấp quản lý theo quy định về lập dự trù kinh phí, tổ chức thực hiện bảo đảm công khai minh bạch.

- Thực hiện các chính sách thuế, thu nhập, tiền lương, tiền công, chính sách an sinh xã hội.

5.2. Tiến độ, kết quả thực hiện thu ngân sách nhà nước theo kế hoạch được chính phủ giao

Tổng thu ngân sách địa phương thực hiện đến 14/3/2025: 5.261,169 tỷ đồng/14.535,127 tỷ đồng đạt 36,20% so với dự toán được trung ương giao, trong đó:

- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 309,118 tỷ đồng/ 1.147,600 tỷ đồng đạt 26,94% dự toán trung ương giao;

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 4.952,051 tỷ đồng/13.387,527 tỷ đồng, đạt 36,99% dự toán trung ương giao;

5.3. Kết quả thực hiện giải ngân vốn đầu tư công

Lũy kế giải ngân kế hoạch vốn đầu tư nguồn NSNN năm 2025 đến **28/02/2025** là 296.557/3.196.678 triệu đồng, đạt 9,28% kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao, cụ thể như sau:

- Vốn ngân sách địa phương là 105.990/988.000 triệu đồng, đạt 10,73% kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao.

- Vốn ngân sách trung ương là 66.359/1.285.200 triệu đồng, đạt 5,16% kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao. Trong đó:

+ Vốn ngân sách trung ương trong nước là 63.248/1.199.494 triệu đồng, đạt 5,27% kế hoạch vốn giao.

+ Vốn nước ngoài (ODA) là 3.111/85.706 triệu đồng, đạt 3,63% kế hoạch vốn giao.

- Vốn thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia là 124.208/923.478 triệu đồng, đạt 13,45% kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao. Trong đó:

+ Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và miền núi là 97.847/551.590 triệu đồng, đạt 17,74% kế hoạch vốn giao.

+ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững là 23.454/249.416 triệu đồng, đạt 9,40% kế hoạch vốn giao.

+ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới là 2.907/122.472 triệu đồng, đạt 2,37% kế hoạch vốn giao.

* Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2025 đến 31/03/2025

Ước thanh toán kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2025 đến 31/03/2025 là 515.488/3.196.678 triệu đồng, đạt 16,13% kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao, trong đó:

- Vốn ngân sách địa phương là 169.025/988.000 triệu đồng, đạt 17,11% kế hoạch vốn giao.

- Vốn ngân sách trung ương là 168.315/1.285.200 triệu đồng, đạt 13,10% kế hoạch vốn giao.

- Vốn thực hiện 3 Chương trình MTQG là 178.147/923.478 triệu đồng, đạt 19,29% kế hoạch vốn giao.

5.4. Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh

Từ đầu năm 2025 đến thời điểm báo cáo, UBND tỉnh Điện Biên đã chấp thuận chủ trương đầu tư cho 01 dự án về lĩnh vực chuyển giao công nghệ với tổng mức đầu tư đăng ký **88,139** tỷ đồng⁷, số vốn đăng ký giảm 15,2 lần so với cùng kỳ năm trước (*3 tháng đầu năm 2024 UBND tỉnh Điện Biên phê duyệt Chủ trương đầu tư cho 05 dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký là 1.344,13 tỷ đồng*). Lũy kế có 217 dự án đầu tư được chấp thuận chủ trương đầu tư với tổng số vốn đăng ký trên 50 nghìn tỷ đồng (không bao gồm các dự án bị thu hồi). Trong đó có 121 dự án đã hoàn thành đi vào hoạt động; 96 dự án đang triển khai thực hiện với tổng số vốn đăng ký thực hiện là 37.258,89 tỷ đồng.

5.5. Tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới

Đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho 39 doanh nghiệp với tổng số vốn đăng ký 202,5 tỷ đồng. 100% hồ sơ tiếp nhận được xử lý đúng và sớm hơn thời gian quy định. Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến và nhận kết quả qua mạng là trên 97%.

⁷ Dự án Trạm biến áp 220kV Điện Biên

5.6. Tiến độ, kết quả thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách

Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh vẫn tiếp tục đẩy mạnh đôn đốc và tổng hợp kết quả thực hiện kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước tại các đơn vị dự toán trên địa bàn tỉnh.

5.7. Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công

- Căn cứ các quy định hiện hành về quản lý tài sản công, trong quý I năm 2025 UBND tỉnh Điện Biên chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Tài chính, UBND tỉnh về việc quản lý, sử dụng tài sản, đặc biệt là mua sắm tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước; thực hiện nghiêm chỉnh công tác báo cáo, báo cáo kê khai tài sản và chuẩn hóa dữ liệu; việc mua sắm tài sản, xử lý tài sản không cần dùng, tài sản điều chuyển, thanh lý được thực hiện theo đúng các quy định hiện hành...

- Việc sử dụng tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh cơ bản thực hiện tốt, đảm bảo theo quy định hiện hành. Đến nay tài sản các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã hoàn thành việc kê khai tài sản, cập nhật kịp thời tài sản trên cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản Nhà nước của Bộ Tài chính và được bổ sung tăng, giảm trong năm phát sinh theo báo cáo kê khai của đơn vị. Kết quả kê khai và cập nhật tài sản của các ngành, cơ quan, đơn vị đã giúp cho các cấp quản lý nắm bắt được về số lượng, chất lượng tài sản của đơn vị mình từ đó có biện pháp quản lý, sử dụng tài sản hiệu quả hơn, hạn chế thấp nhất những tồn tại và sai phạm trong công tác quản lý, sử dụng tài sản công.

5.8. Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

** Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính:*

- Đối với khối tỉnh đã thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính tại cơ quan nhà nước theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ cho 29/29 cơ quan hành chính, đạt tỷ lệ 100%.

- Cấp huyện, đã có 10/10 huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ cho 154/154 đơn vị dự toán trực thuộc, đạt tỷ lệ 100%.

- Ở cấp xã, phường, thị trấn, đã có 129/129 đơn vị triển khai thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ, đạt tỷ lệ 100%.

Các cơ quan, đơn vị đã chủ động xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ; quản lý và sử dụng tài sản công của cơ quan, đơn vị phù hợp và đúng theo quy định; thực hiện công khai, minh bạch về tài chính; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí về điện, nước, điện thoại, công tác phí, văn phòng phẩm, khánh tiết, hội họp...

Đến thời điểm hiện tại, qua công tác kiểm tra của các đơn vị và kiểm soát chi của Kho bạc nhà nước các cấp có 100% số đơn vị hành chính thực hiện đúng quy định về sử dụng kinh phí quản lý hành chính tại đơn vị.

** Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh:*

- Đối với khối tỉnh đã thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ cho 104/104 đơn vị sự nghiệp công lập, đạt tỷ lệ 100%.

- Ở cấp huyện, đã có 10/10 huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ cho 490/490 đơn vị dự toán trực thuộc, đạt tỷ lệ 100%.

- Các đơn vị đã chủ động xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ; quản lý và sử dụng tài sản công của cơ quan, đơn vị phù hợp và đúng theo quy định; ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao để làm căn cứ chi trả thu nhập cho người lao động.

- Đến thời điểm hiện tại, qua công tác kiểm tra và kiểm soát chi của Kho bạc nhà nước các cấp thì 100% số đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện đúng quy định về việc phân phối kết quả tài chính và sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

- *Kết quả hoàn thiện thể chế phục vụ xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số ở tỉnh:* UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch chuyển đổi số năm 2025 và các văn bản chỉ đạo nhằm thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số của tỉnh⁸.

- *Kết quả xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật:* Hạ tầng số các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh tiếp tục được phát triển, duy trì đảm bảo hoạt động phục vụ phát triển chính quyền số, bảo đảm thông suốt các cấp chính quyền. Trung tâm dữ liệu phục vụ Chuyển đổi số của tỉnh được triển khai theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây là nền tảng hạ tầng quản lý tập trung, đồng bộ, thống nhất, an toàn an ninh thông tin, phục vụ hoạt động cho các phần mềm dùng chung của tỉnh.

- *Kết quả xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng:* Nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) tiếp tục được duy trì đảm bảo kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) để khai thác các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin có quy mô, phạm vi từ Trung ương đến địa phương; 100% ứng dụng có dữ liệu dùng chung của tỉnh được kết nối, sử dụng qua LGSP, nhiều dịch vụ dữ liệu có trên NDXP được tỉnh đưa vào sử dụng chính thức.

- *Kết quả xây dựng, phát triển dữ liệu:* Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành Trung ương xây dựng, hoàn thiện và

⁸ Kế hoạch số 4900/KH-UBND ngày 30/10/2024 của UBND tỉnh Chuyển đổi số tỉnh Điện Biên năm 2025; Kế hoạch số 791/KH-UBND ngày 04/3/2025 của UBND tỉnh về việc Triển khai thực hiện Đề án “Tuyên truyền, phổ biến nâng cao chất lượng về cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Điện Biên...

"làm giàu" các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành. Ngoài ra, các Hệ thống thông tin dùng chung, các cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh cũng đang được xây dựng và đưa vào sử dụng, như: Cơ sở dữ liệu dùng chung về quản lý cán bộ công chức viên chức; cơ sở dữ liệu dùng chung ngành Giáo dục và Đào tạo; Xây dựng, Công thương...

- *Kết quả xây dựng, phát triển các ứng dụng, dịch vụ nội bộ:* Các Hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh được xây dựng đáp ứng đầy đủ các chức năng, yêu cầu kỹ thuật theo quy định, tiếp tục được đẩy mạnh sử dụng, giúp nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo, thực thi công vụ của công chức, viên chức, phục vụ người dân, doanh nghiệp góp phần cải cách hành chính, hướng đến nền hành chính hiện đại, thông minh không giấy tờ:

+ 100% các cơ quan Nhà nước các cấp đã thực hiện việc gửi, nhận văn bản điện tử ký số, tỷ lệ văn bản điện tử ký số đạt 98%; trong đó, tổng số chứng thư số chuyên dùng Ban cơ yếu Chính phủ đã cấp phát cho tỉnh Điện Biên là 4.359 chứng thư số cho tổ chức, cá nhân và 263 chữ ký số SIM PKI.

+ 100% cán bộ, công chức được cấp tài khoản thư điện tử công vụ và có tài khoản cá nhân trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

+ 100% cơ quan cấp tỉnh và huyện triển khai áp dụng hệ thống chỉ đạo, điều hành phục vụ công tác theo dõi, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao.

+ Số lượng cuộc họp trực tuyến ngày càng tăng; 100% chế độ báo cáo, nội dung thông tin, dữ liệu của tỉnh được kết nối, cung cấp đầy đủ, kịp thời với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

+ Triển khai giải pháp họp không giấy cho các cuộc họp của Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Tỉnh ủy, các cuộc họp của HĐND và UBND cấp tỉnh, cấp huyện.

- *Kết quả xây dựng, phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp:* Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh được nâng cấp, hoàn thiện theo hướng đồng bộ, hiện đại, có đầy đủ tính năng theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ; Thông tư và văn bản hướng dẫn của trung ương.

- *Kết quả xây dựng, phát triển đô thị thông minh:* Triển khai nền tảng công nghệ thành phố thông minh (IOC), bao gồm: Cơ sở hạ tầng, Trung tâm giám sát điều hành đô thị thông minh; Thiết bị và phần mềm họp không giấy tờ; Phần mềm phản ánh hiện trường; Hệ thống giám sát thông tin trên môi trường mạng; Phần mềm quản lý Camera cho phép quản lý ghi hình, phát trực tiếp đồng thời nhiều Camera.

- *Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến:* 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân khi giải quyết công việc, tăng tính công khai, minh bạch. Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ thủ tục hành chính đạt

trên 75%.

II. MỘT SỐ KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

- Thời gian giải quyết TTHC trong nhiều văn bản QPPL do Bộ, ngành Trung ương quy định chưa thống nhất về cách tính thời gian giải quyết giữa “ngày” và “ngày làm việc”. Nhiều TTHC quy định “ngày” nên rất khó phân định khi xây dựng quy trình các bước giải quyết TTHC cụ thể giữa các cơ quan.

- Việc cấu hình thời hạn giải quyết đối với thủ tục hỗ trợ chi phí mai táng trên Hệ thống đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chưa đảm bảo theo quy định (theo quy định thời hạn đối với UBND cấp xã là 02 ngày làm việc nhưng trên Hệ thống là 01 ngày làm việc) nên ảnh hưởng đến chỉ số tiến độ giải quyết của nhóm thủ tục liên thông “đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)” cũng như chỉ số đánh giá chung của địa phương.

Đối với cải cách tài chính công, dù đã có những chuyển biến tích cực, nhưng hiện vẫn còn những hạn chế, bất cập, cụ thể như sau: Trình độ năng lực chuyên môn của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị còn hạn chế (bộ phận cán bộ quản lý tài chính cấp huyện, cấp xã) chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn hiện nay. Một số cơ quan, đơn vị chưa chủ động mạnh dạn xây dựng cơ chế khoán chi phí hành chính, khoán chi phí hoạt động. Việc xây dựng, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ, cơ chế giám sát, kiểm định chất lượng dịch vụ các đơn vị sự nghiệp công lập,... chưa có hướng dẫn của các Bộ, ngành trung ương, vì vậy địa phương gặp khó khăn trong việc triển khai thực hiện theo từng lĩnh vực trên địa bàn. Nguồn lực của Nhà nước còn thấp, việc huy động sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân đầu tư trên các lĩnh vực xã hội hóa còn gặp nhiều khó khăn.

Hạ tầng chuyển đổi số chưa đồng bộ, một số khu vực không có điện lưới quốc gia, chưa có dịch vụ viễn thông, Internet. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan Nhà nước, cơ cấu và chất lượng nguồn nhân lực còn hạn chế (thiếu chuyên gia về an toàn thông tin, chuyển đổi số). Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo cao, tỷ lệ người dân có thiết bị thông minh còn thấp, tỷ lệ hộ gia đình kết nối Internet hạn chế, tỷ lệ thiết bị bảo đảm kết nối, sử dụng các nền tảng số còn thấp. Một bộ phận người dân, doanh nghiệp còn e dè, chưa chủ động tích cực ứng dụng các tiện ích của chính quyền số, chuyển đổi số, trong đó có dịch vụ công trực tuyến; Nhiều TTHC còn phức tạp, khó triển khai trên hệ thống điện tử. Thói quen dùng tiền mặt của người dân chưa thay đổi và ngại tiếp cận các sản phẩm dịch vụ hiện đại; Tâm lý về vấn đề đảm bảo an ninh an toàn khi thanh toán điện tử, nhất là bộ phận dân cư tại địa bàn vùng sâu, vùng xa.

III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CCHC TRỌNG TÂM

1. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các văn bản Luật, Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2021-2030; Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách

hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030; Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 29/7/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, gắn với nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch CCHC giai đoạn 2021-2030 của tỉnh; tổ chức thực hiện hoàn thành mục tiêu Kế hoạch CCHC năm 2024 của tỉnh.

2. Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu các ngành, địa phương trong thực hiện nhiệm vụ CCHC. Thực hiện nghiêm túc việc lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC tại các đơn vị, địa phương là một trong các tiêu chuẩn xét thi đua khen thưởng, bổ nhiệm, đánh giá xếp loại CBCCVC.

3. Tiếp tục đẩy mạnh và đa dạng hóa công tác tuyên truyền về công tác CCHC; ban hành kế hoạch và thực hiện kiểm tra công tác CCHC Nhà nước năm 2024 tại các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh theo kế hoạch.

4. Tiếp tục chỉ đạo các Sở, ban, ngành thực hiện tốt công tác tham mưu, ban hành văn bản QPPL phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL và các văn bản hướng dẫn thi hành; thực hiện tốt công tác kiểm tra, xử lý; rà soát, đôn đốc việc xử lý văn bản QPPL sau kiểm tra, rà soát theo quy định. Thực hiện hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tập trung vào các lĩnh vực trọng tâm gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị của các ngành, đơn vị, địa phương; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị; thực hiện tốt công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định.

5. Tiếp tục chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực thuộc UBND tỉnh xây dựng dự thảo Quyết định công bố danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh; quy trình nội bộ đối với việc giải quyết từng TTHC các cấp. Cập nhật, bổ sung, sửa đổi các thông tin liên quan của TTHC trên Cơ sở dữ liệu TTHC; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương trực tiếp giải quyết TTHC niêm yết công khai TTHC và địa chỉ tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức tại nơi giải quyết TTHC; Tăng cường công tác truyền thông về kiểm soát TTHC, cải cách TTHC. Ban hành Quyết định về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong tỉnh Điện Biên. Tiếp tục thực hiện việc đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ theo thời gian thực trên môi trường điện tử đối với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh.

6. Tiếp tục nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả công tác cán bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, tập trung thực hiện quy trình công tác cán bộ, đảm bảo giữ vững nguyên tắc “Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đi đôi với phát huy trách nhiệm của các tổ chức và người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị”. Nghiên cứu, kịp thời ban hành đầy đủ, đồng bộ và thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định về công tác cán bộ đảm bảo theo quy định và phù hợp với thực tiễn địa phương; tạo cơ sở triển khai thực hiện công tác cán bộ đảm bảo thống nhất, dân chủ, chặt chẽ, công khai, minh bạch trong công tác cán bộ để lựa chọn được những người thật sự có đức, có tài, năng lực, trách nhiệm phục vụ đất nước.

Tiếp tục đổi mới, triển khai đồng bộ các khâu trong công tác cán bộ từ tuyển dụng, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, luân chuyển cán bộ và thực hiện chính sách cán bộ; có chính sách xây dựng, sử dụng đội ngũ cán bộ khoa học và các chuyên gia trên các lĩnh vực, từng bước đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập quốc tế. Tăng cường kiểm tra, giám sát đối với việc triển khai thực hiện các khâu trong công tác cán bộ; đảm bảo thực hiện nghiêm việc kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ, chống chạy chức, chạy quyền theo Quy định số 205-QĐ/TW của Bộ Chính trị...

7. Kịp thời triển khai các văn bản về chế độ, chính sách tài chính theo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương; Tiếp tục chỉ đạo các đơn vị dự toán chủ động thực hiện nghiêm túc các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước trên địa bàn tỉnh, tổng hợp số liệu báo cáo theo quy định.

8. Đẩy mạnh phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, tăng cường các ứng dụng, dịch vụ trong hoạt động của cơ quan Nhà nước: Văn bản điện tử chữ ký số, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hội nghị trực tuyến... Tổ chức đào tạo, tập huấn ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, các dịch vụ số.
